TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ CÚ** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 39/2023/QĐST-DS	*Trà Cú, ngày 25 tháng 8 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 17 tháng 8 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 11/2023/TLST-DS ngày 15 tháng 02 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Dư Phước T, sinh năm 1966; Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Dư Phước T: Bà Dương Kim Đ, sinh năm 1969; Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh theo văn bản ủy quyền ngày 09/3/2023.

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị D, sinh năm 1967; Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Dương Kim Đ, sinh năm 1969; Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

2. Bà Lâm Thị Hồng G, sinh năm 1960; Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

3. Bà Thạch Thị Mỹ L, sinh năm 1973; Địa chỉ: ấp S, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Người đại diện của ông Dư Phước T, bà Dương Kim Đ, bà Trần Thị D, bà

Lâm Thị Hồng G, bà Thạch Thị Mỹ L thống nhất:

Bà Trần Thị D, bà Lâm Thị Hồng G, bà Thạch Thị Mỹ L đồng ý trả diện tích 41,1m^2 (phần B), thuộc một phần thửa số 2, loại đất cây lâu năm, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh cho ông Dư Phước T được quyền quản lý, sử dụng và tài sản gắn liền với đất 01 cây dừa trên 25 năm và 03 cây dừa khoảng 02 năm.

Bà Lâm Thị Hồng G di dời chòi tre lá, nền đất diện tích 7,29m^2.

Bà Thạch Thị Mỹ L di dời chòi tre lá, nền đất diện tích 6,48m^2.

Có tứ cận như sau:

- Hướng Bắc: giáp phần C thuộc thửa số 2 có số đo 2.0m.
- Hướng Nam: giáp thửa số 1163 có số đo 2.0m.
- Hướng Đông: giáp phần A thuộc thửa số 2 có số đo 20.4m.
- Hướng Tây: giáp đường nhựa có số đo 20.4m.

Theo sơ đồ khu đất kèm theo công văn số 864/CNHTrC ngày 21/6/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai huyện T.

Ông Dư Phước T có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị D số tiền 7.500.000 đồng *(Bảy triệu năm trăm nghìn đồng)* vào ngày 31/8/2023.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền còn phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ông Dư Phước T tự nguyện chịu 9.403.687 đồng tiền chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng 9.403.687 đồng ông T đã nộp nên ông Dư Phước T đã nộp xong.

Về án phí dân sự sơ thẩm là 187.500 đồng: Ông Dư Phước T phải chịu 93.750 đồng, bà Trần Thị D phải chịu 93.750 đồng. Ông Dư Phước T tự nguyện nộp thay cho bà Trần Thị D nên ông Dư Phước T phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 187.500 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0012784 ngày 15/02/2022 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Trà Vinh thu. Hoàn trả cho ông Dư Phước T số tiền chênh lệch là 112.500 đồng tiền tạm ứng án phí còn thừa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Mộng Tiền